

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 31 - 01 - 2024.

V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tùng Long

2. Bà Lê Thị Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1981 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp An Cư, xã An Sơn, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

- Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1976 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp An Cư, xã An Sơn, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, bà N và ông Phạm Văn L tiến tới hôn nhân và bắt đầu chung sống vợ chồng từ năm 2004 đến nay. Nhưng đến năm 2016 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống có 03 người con chung tên Phạm Như Quỳnh, sinh năm 2004, Phạm Duy Lực, sinh năm 2009 và Phạm Ngọc Anh, sinh năm 2016.

Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông L thường xuyên vô cớ xúc phạm, la mắng, đánh đập bà N. Dù đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông vẫn không thay đổi. Vì thương con các, bà N đã nhẫn nhịn để mong ông L hồi tâm, thay đổi nhưng đã gần 20 năm nay ông vẫn không thay đổi. Hiện tại tuy sống chung một mái nhà nhưng tình cảm giữa hai người không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải giải quyết cho các vấn đề sau:

Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn L.

Về con chung: có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phạm Duy Lực, sinh ngày 06/3/2009 và cháu Phạm Ngọc Anh, sinh ngày 15/10/2016 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Riêng Phạm Như Quỳnh, sinh năm 2004 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* *Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của bà N, tuy nhiên do công L còn thương vợ nên không muốn ly hôn. Trong cuộc sống vợ chồng, đôi khi cũng có lời qua tiếng lại, vài lần vì nóng giận nên có đánh vợ, biết việc này là không đúng nên cũng có xin lỗi vợ. Ông L vẫn mong bà Nguyễn suy nghĩ, cho cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho các con có đủ cha, đủ mẹ.

Nếu bà Nguyễn cương quyết ly hôn thì ông L có ý kiến như sau: Về con chung: Xác nhận có 03 người con chung là cháu Phạm Như Quỳnh, sinh năm 2004, cháu Phạm Duy Lực, sinh ngày 06/3/2009 và cháu Phạm Ngọc Anh, sinh ngày 15/10/2016. Ông L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lực đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Nguyễn cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu Ngọc Anh cho bà Nguyễn nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Như Quỳnh đã trưởng thành theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà N và ông L thỏa thuận giao cháu Phạm Ngọc Anh, sinh ngày 15/10/2016, giới tính nữ, cho bà N nuôi dưỡng đến khi cháu Ngọc Anh đủ 18 tuổi, ông L không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Giao cháu Phạm Duy Lực, sinh ngày 06/3/2009, giới tính nam, cho ông L nuôi dưỡng đến khi cháu Duy Lực đủ 18 tuổi, bà N không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị N khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với ông Phạm Văn L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà N xin ly hôn với ông L đã có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, giữa ông bà không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, ông L có bạo lực gia đình đối với bà N. Từ đó, nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N thể hiện ý chí cương quyết xin ly hôn với ông L. Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa hai người có 03 người con chung là cháu Phạm Như Quỳnh, sinh năm 2004, cháu Phạm Duy Lực, sinh ngày 06/3/2009 và cháu Phạm Ngọc Anh, sinh ngày 15/10/2016. Bà N và ông L thỏa thuận giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Anh đến tuổi trưởng thành, ông L nuôi dưỡng cháu Duy Lực, còn cháu Như Quỳnh đã trưởng thành theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận của các đương sự là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Phan Thị N phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Anh, sinh ngày 15/10/2016, giới tính nữ, cho bà N nuôi dưỡng đến khi cháu Ngọc Anh đủ 18 tuổi, ông L không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Giao cháu Phạm Duy Lực, sinh ngày 06/3/2009, giới tính nam, cho ông L nuôi dưỡng đến khi cháu Duy Lực đủ 18 tuổi, bà N không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008479 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà N đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã An Sơn;
- Các đương sự;
- L hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh